Trường ĐKDT	Khối	Số báo danh	Họ tên	Ngành ĐKXT NV2
ANH	D1	8847	Lê Thị Trung Anh	Luật kinh tế
ANH	D1	8852	Nguyễn Ngọc Thu Duyên	Tài chính Ngân hàng
ANS	D1	5003	Nguyễn Kim Linh	Tài chính Ngân hàng
ANS	D1	5049	Lê Thị Quỳnh Nga	Luật kinh tế
ANS	D1	5053	Hồ Hồng Ngân	Quản trị kinh doanh
ANS	D1	5098	Nguyễn Mai Huỳnh Như	Công tác Xã hội
ANS	D1	5122	Bùi Trúc Phương	Ngôn ngữ Nhật
ANS	D1	5133	Đặng Thị Thu Phượng	Kế toán
ANS	D1	5133	Đặng Thị Thu Phượng	Quản trị kinh doanh
ANS	D1	5209	Huỳnh Thị Thủy	Quản trị kinh doanh
ANS	D1	5239	Lê Ngọc Trang	Tài chính Ngân hàng
ANS	D1	5251	Nguyễn Thị Bảo Trâm	Công tác Xã hội
ANS	D1	5316	Lê Thị Kim Yến	Quản trị kinh doanh
BKA	D1	944	Lê Thị Hồng Nhung	Kế toán
CSH	D1	20466	Võ Thị Kim Cúc	Kế toán
CSS	D1	17953	Tăng Thị Ngọc Anh	Tài chính Ngân hàng
CSS	D1	18011	Nguyễn Quỳnh Chi	Quản trị kinh doanh
CSS	D1	18231	Lê Thị Kim Khang	Quản trị kinh doanh
CSS	D1	18303	Đỗ Khánh Linh	Công tác Xã hội
CSS	D1	18311	Nguyễn Huy Long	Kế toán
CSS	D1	18343	Nguyễn Thị Mây	Tài chính Ngân hàng
CSS	D1	18417	Đỗ Thị Khánh Ngọc	Tài chính Ngân hàng
CSS	D1	18663	Nguyễn Thị Thảo	Hệ thống thông tin quản lý
CSS	D1	18744	Nguyễn Thị Thương	Ngôn ngữ Nhật
DDQ	D1	30108	Huỳnh Thị Cẩm Giang	Kinh tế
DMS	D1	503	Dương Nguyễn Linh Chi	Công tác Xã hội
DMS	D1	1873	Dương Thị Bích Huyền	Hệ thống thông tin quản lý
DMS	D1	2019	Bùi Minh Hữu	Kinh tế
DMS	D1	4481	Trần Hồ Anh Tài	Hệ thống thông tin quản lý
DMS	D1	7238	Nguyễn Công Văn	Ngôn ngữ Nhật
DQN	D1	18252	Trần Thị Khánh Ngân	Công tác Xã hội
HHK	D1	5361	Vũ Thị Phương	Hệ thống thông tin quản lý
HHK	D1	6207	Nguyễn Thị Bảo Uyên	Tài chính Ngân hàng
HHK	D1	6481	Trần Thị Phương Thảo	Công tác Xã hội
HHK	D1	6538	Hà Thu Hằng	Kinh tế
KHA	D1	4234	Nguyễn Kim Nhung	Ngôn ngữ Nhật
KHA	D1	5326	Lê Minh Thu	Hệ thống thông tin quản lý
LPS	D1	9257	Trần Thị Thanh Hiền	Tài chính Ngân hàng
LPS	D1	9295	Huỳnh Thị Kim Hồng	Kinh tế
LPS	D1	9495	Phùng Thị Thuỳ Linh	Kinh tế
LPS	D1	9791	Trần Đình Nguyên	Hệ thống thông tin quản lý
LPS	D1	9890	Vũ Phương Quỳnh Như	Tài chính Ngân hàng
LPS	D1	10991	Trần Thị Kim Hiên	Hệ thống thông tin quản lý
LPS	D1	11184	Đặng Vi Tính	Tài chính Ngân hàng
LPS	D1	11293	Nguyễn Phan Minh Ngọc	Công tác Xã hội
MBS	D1	12214	Võ Lê Thị Vân Anh	Công tác Xã hội
MBS	D1	12608	Lương Duy	Công tác Xã hội
MBS	D1	13777	Trần Hoàng Duy Khương	Tài chính Ngân hàng
MBS	D1	14593	Trần Kim Ngân	Hệ thống thông tin quản lý
MBS	D1	14594	Trần Kim Ngân	Hệ thống thông tin quản lý
MBS	D1	14594	Trần Kim Ngân	Xã hội học
MBS	D1	15111	Hà Lê Quỳnh Như	Công tác Xã hội
MBS	D1	15490	Trần Phùng Huệ Phương	Tài chính Ngân hàng

Trường ĐKDT	Khối	Số báo danh	Họ tên	Ngành ĐKXT NV2
MBS	D1	16145	Võ Thu Thảo	Quản trị kinh doanh
MBS	D1	16145	Võ Thu Thảo	Tài chính Ngân hàng
MBS	D1	16565	Trần Hoàng Thương Thương	Tài chính Ngân hàng
MBS	D1	16763	Hoàng Nguyễn Huyền Trang	Hệ thống thông tin quản lý
MBS	D1	17002	Dương Bảo Trân	Công tác Xã hội
MBS	D1	17176	Nguyễn Ngọc Thành Trung	Công tác Xã hội
MBS	D1	17910	Trần Vân Anh	Kinh tế
MBS	D1	18087	Lê Ngọc Bảo Trân	Tài chính Ngân hàng
MBS	D1	18110	Lê Khánh Vy	Công tác Xã hội
MBS	D1	18118	Nguyễn Lê Hoàng Yến	Kinh tế
MBS	D1	18206	Võ Thị Ngọc Điệp	Kế toán
MBS	D1	18230	Trần ái Hảo	Hệ thống thông tin quản lý
MBS	D1	18486	Võ Thị Kim Nhi	Công tác Xã hội
MBS	D1	18512	Phùng Thị ái Nữ	Kế toán
MBS	D1	18684	Lê Thị Thảo Trang	Kế toán
NHF	D1	5858	Dương Thị Ngân	Công tác Xã hội
NLS	D1	46419	Đinh Thị Minh Tuyền	Hệ thống thông tin quản lý
NTS	D1	1417	Hoàng Quốc Anh	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	1466	Chương Gia Bình	Quản trị kinh doanh
NTS	D1	1616	Hoàng Lê Thanh Giang	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	1775	Nguyễn Thái Bảo Huyền	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	1870	Nguyễn Ngọc Quỳnh Liên	Quản trị kinh doanh
NTS	D1	2048	Phạm Trọng Đoan Ngạn	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2119	Nguyễn Thảo Nguyên	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2276	Bùi Quỳnh Mai Phương	Kinh tế
NTS	D1	2349	Trương Thị Hương Quỳnh	Quản trị kinh doanh
NTS	D1	2371	Nguyễn Hữu Trọng Sang	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2399	Hồ Sỹ Nhật Tân	Kinh tế
NTS	D1	2399	Hồ Sỹ Nhật Tân	Hệ thống thông tin quản lý
NTS	D1	2438	Trần Ngọc Phương Thảo	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2480	Nguyễn Minh Thi	Ngôn ngữ Nhật
NTS	D1	2522	Đào Hiếu Thuận	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2568	Nguyễn Anh Thư	Ngôn ngữ Nhật
NTS	D1	2573	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Kinh tế
NTS	D1	2573	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Quản trị kinh doanh
NTS	D1	2592	Trịnh Thị Anh Thy	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2613	Nguyễn Huỳnh Thảo Tiên	Kế toán
NTS	D1	2621	Lê Chí Toàn	Kế toán
NTS	D1	2624	Nguyễn Văn Toàn	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2647	Phạm Thị Ngọc Trang	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2829	Đoàn Phương Uyên	Kế toán
NTS	D1	2829	Đoàn Phương Uyên	Tài chính Ngân hàng
NTS	D1	2910	Cao Tường Vy	Kinh tế
NTS	D1	2910	Cao Tường Vy	Quản trị kinh doanh
NTS	D1	3026	Nguyễn Mạnh Cường	Kinh tế
NTS	D1	3031	Mạnh Thị Ngọc Diệp	Kinh tế
NTS	D1	3055	Phạm Lâm Ngọc Hân	Kế toán
NTS	D1	3110	Trần Khánh My	Quản trị kinh doanh
NTS	D1	3240	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Kinh tế
QSK	D1	6347	Trịnh Gia Bảo	Hệ thống thông tin quản lý
QSK	D1	6388	Tạ Gia Bữu	Tài chính Ngân hàng
QSK	D1	6489	Phạm Ngọc Diệp	Tài chính Ngân hàng
QSK	D1	6735	Phùng Thị Bích Hà	Kế toán

Trường ĐKDT	Khối	Số báo danh	Họ tên	Ngành ĐKXT NV2
QSK	D1	6771	Bùi Thị Ngân Hà	Quản trị kinh doanh
QSK	D1	7219	Từ Tú Lan	Tài chính Ngân hàng
QSK	D1	7253	Nguyễn Thị Bích Liên	Công tác Xã hội
QSK	D1	7497	Phan Đinh Hải My	Tài chính Ngân hàng
QSK	D1	7551	Huỳnh Thị Kim Nga	Kế toán
QSK	D1	7647	Hoàng Phạm Thanh Ngọc	Kinh tế
QSK	D1	7693	La Nguyễn Thảo Nguyên	Kinh tế
QSK	D1	7940	Đặng Kim Đăng Phú	Quản trị kinh doanh
QSK	D1	8077	Quách Yến Quân	Kinh tế
QSK	D1	8103	Quách Nhã Quyên	Tài chính Ngân hàng
QSK	D1	8607	Mai Thị Mỹ Tiên	Quản trị kinh doanh
QSK	D1	8906	Nguyễn Vũ Nhật Trường	Khoa học máy tính
QSK	D1	8952	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Công tác Xã hội
QSK	D1	9012	Lê Thị Khánh Uyên	Kế toán
QSK	D1	9153	Nguyễn Thanh Vy	Quản trị kinh doanh
QSK	D1	9179	Lê Ngọc Thanh Vy	Quản trị kinh doanh
QSK	D1	9269	Võ Từ Gia Anh	Kế toán
QSK	D1	9350	Hồ Thị Hồng Ngọc	Kế toán
QSK	D1	9432	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Ngôn ngữ Nhật
QSK	D1	9591	Nguyễn Thị Ngọc Hy	Quản trị kinh doanh
QSK	D1	9681	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Tài chính Ngân hàng
QSK	D1	9681	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Kế toán
QSK	D1	9764	Hồ Thị Linh Quyên	Quản trị kinh doanh
QSK	D1	9812	Huỳnh Thị Thu Thảo	Tài chính Ngân hàng
QSK	D1	9955	Hồ Thảo Vi	Kế toán
QSK	D1	10037	Bùi Thị Huyền Mơ	Kế toán
QSX	D1	5205	Nguyễn Ngọc Diệp	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	5564	Trần Thị ái Diễm	Quản trị kinh doanh
QSX	D1	5599	Lê Nguyễn Cẩm Giang	Kế toán
QSX	D1	5599	Lê Nguyễn Cẩm Giang	Tài chính Ngân hàng
QSX	D1	5602	Dương Cẩm Hà	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	5746	Hồ Thị My	Kinh tế
QSX	D1	5796	Lê Thị Thanh Nhã	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	5946	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	6022	Nguyễn Thị Thu Trang	Kế toán
QSX	D1	6234	Trần Thị Hải Yến	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	6405	Nguyễn Lê Quốc Anh	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	6528	Văn Thụy Trâm Anh	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	6555	Lâm ánh	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	6649	Nguyễn Thị Giang Băng	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	6849	Đoàn Công Chính	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	6920	Đinh Thị Kiều Diễm	Công tác Xã hội
QSX	D1	6973	Trần Thị Huyền Diệu	Quản trị kinh doanh
QSX	D1	6977	Bách Mỹ Dinh	Kế toán
QSX	D1	7053	Trần Thị Kiều Dung	Xã hội học
QSX	D1	7791	Vũ Thị Thu Hằng	Kế toán
QSX	D1	7938	Phạm Thị Thục Hiền	Quản trị kinh doanh
QSX	D1	7942	Trần Ngọc Hiền	Kế toán
QSX	D1	8147	Phạm Thị Mỹ Huỳnh	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	8465	Nguyễn Bình Phương Khánh	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	8589	Phùng Nguyệt Thiên Kim	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	8702	Dương Mạnh Liên	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	8705	Lê Nhật Liên	Tài chính Ngân hàng

Trường ĐKDT	Khối	Số báo danh	Họ tên	Ngành ĐKXT NV2
QSX	D1	8716	Trần Nguyễn Thị Bích Liên	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	8946	Trần Thị Mỹ Linh	Tài chính Ngân hàng
QSX	D1	9082	Nguyễn Thị Lụa	Công tác Xã hội
QSX	D1	9181	Nguyễn Thị Thanh Mai	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	9280	Phùng Diễm Nguyệt Minh	Tài chính Ngân hàng
QSX	D1	9382	Hoàng Thị Mỹ Na	Tài chính Ngân hàng
QSX	D1	9602	Trần Thị Bích Ngân	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	9649	Thi Huệ Nghi	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	9883	Nguyễn Thanh Nguyên	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	9924	Võ Mai Nguyên	Kế toán
QSX	D1	10534	Trang Trần Thanh Phong	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	10742	Nguyễn Thoại Trúc Phương	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	10781	Trịnh Đặng Hà Phương	Kinh tế
QSX	D1	10838	Trần Kim Phượng	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	11043	Phan Thị Thuý Quyên	Hệ thống thông tin quản lý
QSX	D1	11077	Lê Thị Ngọc Sang	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	11365	Bùi Phạm Như Thảo	Quản trị kinh doanh
QSX	D1	11399	Hoàng Thị Thảo	Quản trị kinh doanh
QSX	D1	11477	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	11481	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	11506	Nguyễn Trần Thu Thảo	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	12030	Phạm Thị Minh Thư	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	12198	Trần Thị Kim Tiến	Xã hội học
QSX	D1	12300	Nguyễn Hoàng Thiên Trang	Tài chính Ngân hàng
QSX	D1	12413	Võ Thị Thuỳ Trang	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	12679	Phạm Hà Phương Trinh	Hệ thống thông tin quản lý
QSX	D1	12679	Phạm Hà Phương Trinh	Xã hội học
QSX	D1	12757	Trịnh Ngọc Trung	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13034	Hòang Ngọc Phương Uyên	Quản trị kinh doanh
QSX	D1	13056	Lê Thục Uyên	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13061	Ngô Phương Hoàng Uyên	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13108	Trần Thị Thu Uyên	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13273	Nguyễn Khánh Thanh Vi	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13296	Trần Thị Hiền Vi	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13315	Trần Quốc Việt	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13370	Trương Thị Dạ Vỹ	Ngôn ngữ Nhật
QSX	D1	13453	Nguyễn Thúy Vy	Tài chính Ngân hàng
QSX	D1	13569	Đoàn Ngọc Hoàng Yến	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	26958	Nguyễn Hoàng Duy	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	28068	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	28072	Hồ Thị Đức Hạnh	Hệ thống thông tin quản lý
SGD	D1	28412	Nguyễn Thị Bé Hênh	Công tác Xã hội
SGD	D1	29113	Nguyễn Trần Gia Huy	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	29557	Đỗ Thị Mai Hương	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	29674	Nguyễn Duy Kha	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	29936	Đặng An Khương	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	30084	Nguyễn Thị Ngọc Lam	Tài chính Ngân hàng
SGD	D1	30437	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	30437	Nguyễn Thị Thùy Linh	Tài chính Ngân hàng
SGD	D1	30855	Nguyễn Thị Phương Loan	Kinh tế
SGD	D1	30986	Phạm Thị Mỹ Lợi	Hệ thống thông tin quản lý
SGD	D1	31837	Huỳnh Thị Kim Ngân	Tài chính Ngân hàng
SGD	D1	32211	Cao Thúy Bích Ngọc	Ngôn ngữ Nhật

Trường ĐKDT	Khối	Số báo danh	Họ tên	Ngành ĐKXT NV2
SGD	D1	32865	Trần Thị Yến Nhi	Hệ thống thông tin quản lý
SGD	D1	34286	Thái Quốc Quế	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	34437	Trần Thị Quý	Kế toán
SGD	D1	34437	Trần Thị Quý	Khoa học máy tính
SGD	D1	34578	Lê Trần Đan Quỳnh	Tài chính Ngân hàng
SGD	D1	35451	Võ Thị Thanh Thảo	Tài chính Ngân hàng
SGD	D1	35622	Trần Thị Thu Thảo	Công tác Xã hội
SGD	D1	35703	Nguyễn Hồng Thắm	Tài chính Ngân hàng
SGD	D1	35703	Nguyễn Hồng Thắm	Kế toán
SGD	D1	36017	Trần Khắc Nhật Thơ	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	36575	Trang Anh Thư	Kinh tế
SGD	D1	37336	Võ Thị Như Trang	Kinh tế
SGD	D1	38787	Nguyễn Lưu Minh Tú	Ngôn ngữ Nhật
SGD	D1	39038	Quách Cẩm Vân	Tài chính Ngân hàng
SGD	D1	39469	Hoàng Đức Vượng	Hệ thống thông tin quản lý
SGD	D1	44695	Lê Thị Diễm My	Kinh tế
SGD	D1	47997	Nguyễn Thị Thanh Trinh	Kế toán
SGD	D1	48010	Võ Minh Trí	Khoa học máy tính
SPK	D1	59	Nguyễn Ngọc Bảo	Tài chính Ngân hàng
SPK	D1	78	Phạm Thị Huỳnh Châu	Kinh tế
SPK	D1	499	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Hệ thống thông tin quản lý
SPK	D1	588	Phan Thị Ngọc Quyền	Kinh tế
SPK	D1	603	Trần Thị Minh Sang	Tài chính Ngân hàng
SPK	D1	771	Phan Thị Xuân Trang	Công tác Xã hội
SPS	D1	13786	Đặng Thị Nhật Quỳnh	Công tác Xã hội
SPS	D1	15051	Đặng Văn Đệ	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	15181	Trần Bảo Khánh	Quản trị kinh doanh
SPS	D1	15199	Trần Thị Thuý Lam	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	15344	Nguyễn Thuần Nhân	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	15599	Trần Thị Thu Trang	Kế toán
SPS	D1	15599	Trần Thị Thu Trang	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16100	Nguyễn Ngọc Quỳnh Châu	Tài chính Ngân hàng
SPS	D1	16131	Phạm Duy Cường	Tài chính Ngân hàng
SPS	D1	16131	Phạm Duy Cường	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16207	Trần Minh Đức	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16280	Phạm Thị Xuân Hoài	Quản trị kinh doanh
SPS	D1	16282	Dương Khải Hoàn	Quản trị kinh doanh
SPS	D1	16327	Nguyễn Lê Xuân Hương	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16356	Huỳnh Kim Khuê	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16363	Châu Ký	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16386	Châu Bội Linh	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16457	Lê Thị Thu Nga	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16481	Nguyễn Huỳnh Phương Nghi	Quản trị kinh doanh
SPS	D1	16486	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16531	Bùi Đình Nhật	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16531	Bùi Đình Nhật	Xã hội học
SPS	D1	16553	Phạm Trần ý Nhi	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16589	Nguyễn Thị Tường Oanh	Tài chính Ngân hàng
SPS	D1	16589	Nguyễn Thị Tường Oanh	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16630	Trần Thế Phương	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16666	Đỗ Phạm Vân Quỳnh	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16739	Phạm Thị Hồng Thắm	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	16922	Trần Ngọc Phương Uyên	Ngôn ngữ Nhật

Trường ĐKDT	Khối	Số báo danh	Họ tên	Ngành ĐKXT NV2
SPS	D1	16942	Nguyễn Thị Nguyên Vi	Quản trị kinh doanh
SPS	D1	17334	Cao Thị Mỹ Hạnh	Hệ thống thông tin quản lý
SPS	D1	17401	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Tài chính Ngân hàng
SPS	D1	17447	Nguyễn Thị Diệu Linh	Tài chính Ngân hàng
SPS	D1	17640	Bạch Kim Thanh	Xã hội học
SPS	D1	22304	Lê Thị Mai Phương	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	23220	Huỳnh Thị Bảo Chi	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	23296	Phan Thị Xuân Hằng	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	23309	Nguyễn Đình Bảo Linh	Quản trị kinh doanh
SPS	D1	23328	Nguyễn Thị Tuyết Sương	Ngôn ngữ Nhật
SPS	D1	23328	Nguyễn Thị Tuyết Sương	Quản trị kinh doanh
TCT	D1	63033	Phạm Nhật Phương Anh	Hệ thống thông tin quản lý
TCT	D1	63634	Phạm Thị Diễm	Hệ thống thông tin quản lý
TCT	D1	66154	Võ Thị Yến Linh	Tài chính Ngân hàng
VHS	D1	2183	Lê ý Nhi	Công tác Xã hội